TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sử;

2. Bà Nguyễn Thị Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 406/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

- *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đoàn Thị L kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp). Sau thời gian sống chung và hạnh phúc thì đến tháng 8/2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau nữa cho đến nay. Nguyên nhân do vợ

chồng bất hòa, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do đó, anh yêu cầu ly hôn với chị Đoàn Thị L.

+ Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 24/8/2010 và Nguyễn Thành K, sinh ngày 28/11/2016, hiện 02 con đang sống với anh T, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Đoàn Thị L từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị L biết mà không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T với chị Đoàn Thị L. Về con chung: Anh T2 được tiếp tục nuôi hai con chung Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 24/8/2010 và Nguyễn Thành K, sinh ngày 28/11/2016 (hiện đang sống với anh T2). Chị L không phải cấp dưỡng cho con do anh T2 không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Đoàn Thị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị X vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; Bị đơn chị Đoàn Thị L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T với chị Đoàn Thị L. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T với chị Đoàn Thị L là hôn nhân hợp pháp vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Văn T với chị Đoàn Thị L kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp). Sau thời gian sống chung và hạnh phúc thì đến tháng 8/2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau nữa cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất hòa, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mẹ của anh T là bà Nguyễn Thị X xác định vợ chồng anh T sống chung với nhau không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T và chị L ly hôn. Nên Hội đồng xét xử xét thấy giữa Nguyễn Văn T với chị Đoàn Thị L đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với chị Đoàn Thị L là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 24/8/2010 và cháu Nguyễn Thành K, sinh ngày 28/11/2016 (hiện đang sống với anh T) có nguyện vọng được sống với anh T sau khi cha mẹ ly hôn nên việc anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Minh T1 và cháu Nguyễn Thành K là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật. Chị L không phải cấp dưỡng cho con do anh T không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Đoàn Thị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận như nhận định trên.

[5] Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 và 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T với chị Đoàn Thị L.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi hai con chung Nguyễn Thị Minh T1,

sinh ngày 24/8/2010 và Nguyễn Thành K, sinh ngày 28/11/2016 (hiện đang sống với anh T). Chị L không phải cấp dưỡng cho con do anh T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Đoàn Thị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

- Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình là 300.000đồng, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 8125 ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)".

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Trang Nguyễn Quốc S **Nguyễn Phương T3**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
tòa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên

- VKSND Khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Phương Thảo